

Số: 17/NQ-HĐT

Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**Phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động**  
**Trường Đại học Cần Thơ năm 2021**

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 3054/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng Trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ngày 19 tháng 3 năm 2021 của kỳ họp thứ ba Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020-2025.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ năm 2021 như sau:**

**1. Công tác tổ chức, nhân sự**

**1.1. Công tác tổ chức**

Thực hiện rà soát sắp xếp lại các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ “*Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập*”.

Thành lập các khoa, phòng thuộc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh theo các quy định của Nhà nước.

Rà soát, điều chỉnh các quy định của Nhà trường phục vụ tự chủ và phù hợp với các quy định mới của Nhà nước.

## 1.2. Công tác nhân sự

Trong năm 2021, công tác nhân sự cần thực hiện những điểm chính sau đây:

**Bảng 1:** Số lượng viên chức, người lao động do Trường trả lương đến 12/2021

TT	Nhóm vị trí việc làm	31/12/2020		31/12/2021		Ghi chú
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Giảng viên	1.082	72,1	1.133	72,7	
2	Trợ giảng	2	0,1	9	0,6	
3	Giáo viên trung học PT	14	0,9	16	1,0	
4	Chuyên viên, kế toán viên	191	12,7	189	12,1	
5	Nhân viên PTH/PTN	63	4,2	67	4,3	
6	Bảo vệ	46	3,1	44	2,8	
7	Nhân viên thư viện	34	2,3	33	2,1	
8	Nhân viên vệ sinh, tạp vụ	39	2,6	38	2,4	
9	Nhân viên lái xe	11	0,7	9	0,6	
10	Các vị trí việc làm khác	19	1,3	20	1,3	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.501</b>	<b>100</b>	<b>1.558</b>	<b>100</b>	

- Tuyển dụng nhân sự trong phạm vi chỉ tiêu số lượng người làm việc do Bộ Giáo dục và Đào tạo phân bổ nhằm đáp ứng nhu cầu đảm bảo chất lượng trong công tác đào tạo; trong đó ưu tiên tuyển dụng giảng viên cho các ngành có tỉ lệ sinh viên quy đổi/giảng viên quy đổi còn cao, tuyển dụng trợ giảng để đào tạo làm giảng viên đối với các ngành trong thời gian qua không thể tuyển dụng được người có trình độ thạc sĩ. Dự kiến đến cuối năm 2021, Trường có 1.558 viên chức và người lao động do Trường trả lương (*chỉ tiêu số lượng người làm việc do Bộ Giáo dục và Đào tạo phân bổ cho Trường là 1.575 người*), trong đó có 1.142 giảng viên và trợ giảng (*chiếm tỉ lệ 73,3%*). Dự kiến nhân sự biến động theo số liệu tại Bảng 1.

- Rà soát lại Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc tuyển dụng nhân sự các năm tiếp theo và chuyển đổi vị trí làm việc.

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý các cấp theo nhiệm kỳ 2020-2025 của Hội đồng Trường.

- Rà soát quy hoạch viên chức quản lý các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và quy hoạch lần đầu viên chức quản lý các cấp nhiệm kỳ 2025-2030.

- Bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư cho các nhà giáo mới đạt chuẩn, đề nghị bổ nhiệm giảng viên cao cấp (hạng I) cho các nhà giáo mới được bổ nhiệm chức danh phó giáo sư.

- Thăng hạng cho các viên chức vượt qua các kỳ thi thăng hạng do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Nội vụ tổ chức và đủ điều kiện. Riêng đối với giảng viên chính (hạng II) việc quyết định thăng hạng phải đảm bảo không vượt quá tỉ lệ 45% giảng viên của Trường.

## 2. Hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

### 2.1. Công tác đào tạo

#### a) Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021

**Bảng 2:** Chỉ tiêu tuyển sinh các ngành đại học và sau đại học năm 2021

TRÌNH ĐỘ VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO			CHỈ TIÊU	TỔNG
Đại học	Chính quy	Đại học hệ chính quy	6.860	7.160
		Đại học hệ chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ( <i>trước đây gọi là Bằng đại học thứ hai hệ chính quy</i> )	0	
		Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học hệ chính quy	300	
	Ngoài chính quy	Đại học hệ vừa làm vừa học	690	1.950
		Đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp độ đại học trở lên hệ vừa làm vừa học	990	
		Liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học hệ vừa làm vừa học	270	
		Đào tạo từ xa	5.000	
Sau đại học	Chính quy	Thạc sĩ	1.584	1.734
	Chính quy	Tiến sĩ	150	

#### b) Mở ngành

- Trình độ đại học:

+ Chương trình đào tạo đại trà: Truyền thông đa phương tiện, Thống kê, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Quy hoạch vùng và đô thị.

+ Chương trình chất lượng cao: Kỹ thuật phần mềm, Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Sau đại học: *Kế hoạch 2020 đã được duyệt nhưng chưa thực hiện, tiếp tục thực hiện năm 2021:*

+ ThS. Chính sách công, ThS. Công nghệ thông tin, ThS. Kỹ thuật cơ khí, ThS. Kỹ thuật cơ điện tử.

+ Đổi tên ngành đào tạo thạc sĩ Biến đổi khí hậu & Nông nghiệp nhiệt đới bền vững (tiếng Anh) thành Nông nghiệp công nghệ cao tiếng Anh (Smart Agriculture).

+ TS. Nuôi trồng thủy sản và TS. Công nghệ thực phẩm giảng dạy bằng tiếng Anh.

+ TS. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh.

#### c) Chất lượng giáo dục và kiểm định

Ban hành văn bản quy định về thu thập và sử dụng góp ý và ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Kiểm định chất lượng 09 CTĐT trình độ đại học theo tiêu chuẩn Bộ GD&ĐT và 08 CTĐT trình độ đại học theo tiêu chuẩn AUN-QA.

Thực hiện hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục Trường và CTĐT.

#### **d) Quản lý hoạt động đào tạo, thu hút người học và công tác có liên quan**

Tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung các văn bản, quy định về quản lý đào tạo phù hợp với pháp luật của Nhà nước và quy định của các bộ ngành và địa phương trong quản lý hoạt động đào tạo; rà soát, cải tiến các quy trình quản lý đào tạo. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động quản lý đào tạo và đào tạo.

Tăng cường hoạt động quảng bá về Trường ĐHTC; hoạt động tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp; hoạt động hỗ trợ người học.

#### **2.2. Hoạt động khoa học và công nghệ**

Đánh giá kết quả các đề tài triển khai của 5 chương trình theo lĩnh vực ưu tiên đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh và yêu cầu mới phát triển Đồng bằng sông Cửu Long theo nghị quyết 120 của Thủ tướng về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu và bối cảnh mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học cấp trường và giải pháp cải tiến thủ tục quản lý và nâng cao chất lượng gắn với công bố khoa học trên tạp chí uy tín.

Xây dựng kế hoạch cụ thể để nâng cao số công bố khoa học quốc tế (ISI/Scopus,...) và điểm công bố khoa học của Trường trong các hệ thống xếp hạng Trường hàng năm. Phần đầu năm 2021 đạt ít nhất 150 bài ISI và 350 Scopus.

Triển khai thực tốt đề án "Nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ theo tiêu chuẩn quốc tế", và được công nhận trong hệ thống ACI (ASEAN Citation Index) đến cuối năm 2021.

Đánh giá và tiếp tục mở rộng hợp tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ với các địa phương (cấp quận, huyện) và doanh nghiệp, tập đoàn,... để đẩy mạnh hoạt động KH&CN góp phần phát triển Nhà trường và địa phương.

Xây dựng giải pháp để thực hiện hoạt động KH&CN, theo đó sẽ có ít nhất 250 đề tài cấp cơ sở, 20 đề tài cấp Bộ/Ngành và quốc gia, 25 đề tài hợp tác địa phương và doanh nghiệp, 20 đề tài hợp tác quốc tế, 5 công trình được xác lập quyền SHTT.

Thực hiện và hoàn thành tốt 36 Chương trình NCKH thuộc dự án Nâng cấp Trường ĐHTC, đẩy mạnh triển khai kết quả của các Chương trình.

Sử dụng và phát huy tối đa hiệu quả các cơ sở vật chất (*trước mắt là trại thực nghiệm*) của dự án ODA cho Đào tạo, NCKH, CGCN, Sản xuất thực nghiệm tạo thương hiệu, trên cơ sở từng đơn vị lập kế hoạch sử dụng và sản phẩm đầu ra.

#### **2.3. Hợp tác trong nước và quốc tế**

Tăng cường công tác quản lý các đề tài - dự án các cấp (trong nước và quốc tế) theo hướng tin học hóa.

Tiếp tục thực hiện tốt giải pháp mang tính chủ động thích ứng kịp thời với tình hình mới, đặc biệt thời gian phục hồi sau dịch Covid-19. Đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin trong các hoạt động HTQT. Trong đó, chủ động thu xếp làm việc với các đối tác truyền thống thông qua hình thức hợp trực tuyến nhằm duy trì mối quan hệ, chia sẻ kinh nghiệm trong việc truyền khai hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học trong tình hình dịch bệnh, trao đổi về khả năng hợp tác và lập kế hoạch hợp tác khi tình hình dịch bệnh kết thúc.

Tìm kiếm và xúc tiến dự án quốc tế, phần đầu xúc tiến đạt được ít nhất 20 dự án quốc tế mới với tổng nguồn vốn dự kiến trên 30 tỷ đồng. Hoàn thiện và trình Bộ đúng hạn các văn kiện dự án mới tiếp nhận; phần đầu hoàn thiện đúng tiến độ thủ tục ghi thu – ghi chi 100% dự án đang hoạt động.

Rà soát, đánh giá lại với các đối tác trong và ngoài nước, tăng cường hoạt động học thuật như trao đổi giảng viên, trao đổi sinh viên, hội nghị - hội thảo quốc tế, liên kết đào tạo quốc tế với các hình thức phù hợp với chủ trương và tình hình dịch bệnh. Trong đó, đảm bảo mời giảng nước ngoài theo như cam kết trong chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, tất cả chương trình tiên tiến và chương trình chất lượng cao đều có ít nhất một học phần có sinh viên quốc tế tham dự với hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp.

Xây dựng trang tin Hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh nhằm cung cấp thông tin cho khách quốc tế, đặc biệt là sinh viên quốc tế; Đồng thời, thu thập thông tin bổ sung nội dung website Phòng HTQT nhằm cung cấp thông tin cho cán bộ và sinh viên về hoạt động HTQT, đặc biệt là thông tin về chương trình học bổng, chương trình trao đổi sinh viên, chương trình thực tập, thông tin về xuất nhập cảnh.

## **2.4. Công tác sinh viên**

Thực hiện đầy đủ quy định của nhà nước về chế độ chính sách đối với sinh viên. Từng bước đảm bảo người học ra Trường đáp ứng tiêu chuẩn công dân toàn cầu; tạo điều kiện cần để thu hút học sinh giỏi vào Trường; Đảm bảo tốt điều kiện học tập, rèn luyện và sinh hoạt để phát huy tốt năng lực, phát triển toàn diện đáp ứng nhu cầu người học. Xây dựng chính sách thu hút người học phù hợp với cơ chế tự chủ tài chính của Nhà trường.

Xây dựng giải pháp đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên, đồng thời ban hành các quy chế tài chính và quản lý quỹ khởi nghiệp sinh viên phù hợp với hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Tiếp tục phát huy và tìm giải pháp phù hợp trong công tác tư vấn và hỗ trợ người học. Nắm bắt kịp thời và tư vấn tâm lý, học đường và sức khỏe cho người học.

## **3. Tài chính và tài sản**

### **3.1. Tài chính**

#### ***a) Kế hoạch thực hiện nguồn thu***

Tổng nguồn thu năm 2021 đạt 553,2 tỷ đồng (+5,0%), trong đó: nguồn NSNN cấp bù sự phạm, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập sinh viên, đạt 30,0 tỷ đồng (+19,9%). Nguồn thu sự nghiệp đạt 523,2 tỷ đồng (+4,3%). Trong đó, học phí chính quy ước đạt 436,6 tỷ đồng (+1,2%), học phí liên kết đào tạo đạt 44,0 tỷ đồng (+5,6%), học phí Trường THSP ước đạt 6,6 tỷ đồng (+46,7%), các nguồn thu sự nghiệp khác đạt 36,0 tỷ đồng (+48,1%).

#### ***b) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chi***

Tổng chi trong năm 2021 là 623,2 tỷ đồng (+21,8%) bao gồm cả chi từ các nguồn quỹ. Trong đó: chi trực tiếp từ nguồn thu có trong năm là 536,8 tỷ đồng (+28,1%), chi từ các nguồn quỹ là 86,4 tỷ đồng (-6,6%).

Cụ thể các nhóm chi: (i) nhóm chi thanh toán cho cá nhân là 260,4 tỷ đồng (+9,0%); (ii) nhóm chi về hàng hóa và dịch vụ cho hoạt động chuyên môn là 249,4 tỷ đồng (+39,6%) do quyết toán tiền giảng của năm 2020; (iii) nhóm chi phí khác gồm: chi miễn giảm học phí là 30,0 tỷ đồng (+20,0%), chi hoạt động phúc lợi, khen thưởng là 9,7 tỷ đồng, dự phòng phát sinh là 20 tỷ đồng và các khoản chi khác là 4,5 tỷ đồng; (iv) nhóm chi mua sắm, sửa chữa, đào tạo,... là 15,2 tỷ đồng và vốn đối ứng cho dự án ODA là 30,0 tỷ đồng (*chi tiết ở phụ lục 1*).

**Bảng 1: Kế hoạch tài chính năm 2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020			Năm 2021			So sánh 2021/2020 (± %)
	Tổng	Ước TH	Nguồn quỹ	Tổng	Dự toán	Nguồn quỹ	
<b>TỔNG NGUỒN</b>	<b>912.233</b>	<b>660.493</b>	<b>251.740</b>	<b>953.740</b>	<b>687.544</b>	<b>266.196</b>	4,6
<i>1. Kỳ trước chuyển sang</i>	<i>385.543</i>	<i>133.803</i>	<i>251.740</i>	<i>400.540</i>	<i>134.344</i>	<i>266.196</i>	3,9
<b>A. Thu trong kỳ</b>	<b>526.690</b>	<b>526.690</b>		<b>553.200</b>	<b>553.200</b>		5,0
a.NSNN cấp bù SP, miễn giảm HP	25.020	25.020		30.000	30.000		19,9
b.Nguồn sự nghiệp để lại	501.670	501.670		523.200	523.200		4,3
<b>B. Chi trong kỳ</b>	<b>511.693</b>	<b>419.149</b>	<b>92.544</b>	<b>623.682</b>	<b>537.281</b>	<b>86.400</b>	<b>21,8</b>
1.Nhóm chi cho cá nhân	238.915	238.915		260.449	260.449		9,0
2.Nhóm chi về hàng hóa dịch vụ	178.699	153.805	24.894	249.881	218.881	31.000	39,6
3.Nhóm chi khác	31.741	26.429	5.312	64.226	54.489	9.737	102,3
4.Nhóm chi đầu tư	62.338	0	62.338	49.124	3.462	45.663	-21,2
<b>C. Cân bằng thu chi (A-B)</b>	<b>14.997</b>	<b>107.541</b>	<b>-92.544</b>	<b>-70.481</b>	<b>15.918</b>	<b>-86.400</b>	<b>-566,7</b>
Trích lập các quỹ		107.000			70.000		-34,6
<i>Chuyển sang kỳ sau</i>	<i>400.540</i>	<i>134.344</i>	<i>266.196</i>	<i>330.059</i>	<i>80.262</i>	<i>249.796</i>	<i>-17,5</i>

**d) Kinh phí phân giao năm 2021**

Phân bổ kinh phí tự chủ và tham mưu đến các đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng.

Đơn vị	Kinh phí phân giao			TỔNG
	Tự chủ	Tham mưu	P.TC chi <sup>1</sup>	
B.ODA		32.000,0		32.000,0
BM.GDTC	351,1	300,0	2.940,0	3.591,1
K.CN	4.176,3	450,0	23.885,0	28.511,3
K.CNTT	1.706,5	1.180,0	12.357,0	15.243,5
K.DB	154,8	150,0	1.312,0	1.616,8
K.KT	1.608,8	2.048,0	17.952,0	21.608,8
K.KHCT	416,9	280,8	5.290,0	5.987,7
K.KHTN	2.590,3		12.746,0	15.336,3
K.L	560,4		8.824,0	9.384,4
K.MT	1.105,0	395,4	9.677,0	11.177,4
K.NNg	712,9	1.140,0	12.340,0	14.192,9
K.No	3.553,6	330,0	25.340,0	29.223,6
K.PTNT	855,5	583,0	6.123,0	7.561,5
K.SĐH	88,3	825,1	1.130,0	2.043,4
K.SP	1.700,3	394,0	18.195,0	20.289,3
K.TS	1.637,5	100,0	14.145,0	15.882,5
K.XHNV	616,2		6.325,0	6.941,2
P.CTCT	225,0	600,0	3.200,0	4.025,0
P.CTSV	209,5		2.280,0	2.489,5
P.CTSV-KTX		2.454,2		2.454,2

<sup>1</sup> Phòng Tài chính trực tiếp chi: lương, TNTN, điện nước; không phân giao đơn vị.

P.ĐT	151,0	1.049,7	1.590,0	2.790,7
P.HTQT	87,0	1.084,3	1.080,0	2.251,3
P.KHTH	162,0	2.313,0	4.320,0	6.795,0
P.QLKH	100,0	12.000,0	1.040,0	13.140,0
P.QTTB	104,5	67.024,0	2.540,0	69.668,5
P.TC	120,0	206.125,0	13.500,0	219.745,0
P.TCCB	160,2	4.717,9	1.410,0	6.288,1
P.TTPC	35,0	360,0		395,0
To.TCKH	75,0	845,5		920,5
TT.GDQP	471,0	826,8	1.390,0	2.687,8
TT.HL	265,1	2.000,0	5.568,0	7.833,1
TT.LKĐT	6.000,0			6.000,0
TT.QLCL	63,7	7.238,0	1.010,0	8.311,7
TT.QTM	151,1	3.109,3	1.200,0	4.460,4
TT.TV-KN	74,6	330,0		404,6
Tr.THSP	2.107,4	163,0	2.390,1	4.660,4
V.BĐKH	25,0			25,0
V.CNSH	1.298,2	220,0	5.824,0	7.342,2
V.ĐBSCL	240,8		3.028,0	3.268,8
VP.CĐ	68,0	4.972,0		5.040,0
VP.Đảng	140,2	380,5		520,7
VP.ĐTN	85,4	640,0		725,4
VP.HĐT	847,0			847,0
<b>Tổng</b>	<b>35.100,9</b>	<b>358.629,5</b>	<b>229.951,1</b>	<b>623.681,5</b>

**d) Kế hoạch giải ngân dự án ODA**

Sử dụng vốn cho hợp phần xây dựng và hợp phần mua thiết bị là 772,6 tỷ đồng, nguồn vốn vay lại cho hợp phần NCKH và đào tạo là 16,1 tỷ đồng. Bố trí kinh phí đối ứng năm 2021 là 30,0 tỷ đồng.

*DVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Ước TH 2020	Dự toán 2021
<b>1.Nguồn vốn</b>	<b>328.036</b>	<b>814.735</b>
-Ngân sách cấp	246.949	772.638
-Vốn vay lại (NCKH)	20.825	6.924
-Vốn vay lại (Đào tạo)	6.186	5.173
-Vốn đối ứng	54.076	30.000
<b>2.Sử dụng vốn</b>	<b>307.463</b>	<b>854.735</b>
-Ngân sách cấp	246.949	772.638
-Vốn vay lại (NCKH)	20.825	6.924
-Vốn vay lại (Đào tạo)	6.186	5.173
-Vốn đối ứng	33.503	70.000
<b>3.Chênh lệch vốn đối ứng</b>	<b>20.573</b>	<b>-40.000</b>
⇒ Số dư vốn đối ứng	89.862	49.862

**d) Tổ chức thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ trong năm 2021**

- Triển khai thực hiện Quy chế tài chính Trường ĐHCT, ban hành các Quy chế khung cho hoạt động sản xuất - dịch vụ của các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập và tự chủ tài chính.

- Tổ chức thực hiện việc chi tiêu, sử dụng kinh phí của Trường năm 2021 theo đúng các quy định, chế độ tiêu chuẩn và định mức trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Đơn vị được quyền tự chủ mua sắm và sửa chữa trong nguồn kinh phí phân giao đến 50 triệu đồng.

**3.2. Xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất trang thiết bị**

- Ưu tiên tập trung nguồn lực để sửa chữa thường xuyên, nâng cấp, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất phòng thí nghiệm/thực hành, phòng học, bảo trì và sửa chữa các nhà học lớn, tài liệu học tập, điều kiện tự học tập của sinh viên, trang thiết bị phòng học và thí nghiệm,... phục vụ tốt cho giảng dạy, học tập và hoạt động nghiên cứu khoa học; xây dựng phương án đầu tư từng bước cho việc lắp máy lạnh cho các phòng học.

Cải tạo mặt sân cát của sân bóng đá khu II thành mặt sân cỏ nhân tạo; Xây dựng con đường nhựa kết nối công sau bờ hồ Búng Xáng đến vòng xoay cổng A. Đối với các hạng mục xây dựng, cải tạo, sửa chữa, mua sắm tài sản có mức đầu tư từ 5 tỉ đồng trở lên, Trường cần có báo cáo khái toán đầu tư, phương án khai thác sử dụng, phân tích về lợi ích – chi phí trình HĐT phê duyệt chủ trương.

Tổng kinh phí phân bổ cho xây dựng, cải tạo, sửa chữa và mua sắm tài sản năm 2021 là 55,7 tỉ đồng. Căn cứ vào điều kiện thực tế, Trường tổ chức thực hiện xây dựng, cải tạo, sửa chữa, mua sắm tài sản theo phụ lục 2 và không vượt quá tổng kinh phí đã phân bổ.

**Điều 2.**

1. Hiệu trưởng tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng Trường, các Ban của Hội đồng Trường và thành viên Hội đồng Trường phối hợp giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020-2025, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT, HĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Phương**